

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Lớp đang học	Môn dự thi	HS trường	Điểm thi	Xếp giải	Ghi chú
1	42	Trương Thị Khánh Ly	02	08	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	17	Nhất	Đội tuyển
2	6	Lê Tuyết Anh	13	04	2004	9I	Ngữ văn	THCS Sông Trí	15	Nhì	Đội tuyển
3	83	Trịnh Trung Hiếu	1	10	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Phương	15	Nhì	Đội tuyển
4	21	Đỗ Ngân Hà	16	07	2004	9E	Ngữ văn	THCS Sông Trí	14,75	Nhì	Đội tuyển
5	44	Ngô Vũ Tuệ Mẫn	10	01	2004	9H	Ngữ văn	THCS Sông Trí	14,5	Nhì	Đội tuyển
6	55	Lê Nguyên Sơn	16	11	2005	8B	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	14,5	Nhì	Đội tuyển
7	47	Võ Ngọc My	27	09	2005	8D	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	14,25	Nhì	Đội tuyển
8	70	Phùng Nguyễn Anh Vũ	17	04	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	14,25	Nhì	Đội tuyển
9	7	Chu Phúc Anh	26	08	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	13,5	Ba	Đội tuyển
10	24	Phan Thị Mỹ Hạnh	14	11	2003	9G	Toán	THCS Sông Trí	13,5	Ba	Đội tuyển
11	53	Đào Trần Yến Nhi	18	12	2004	9E	Ngữ văn	THCS Sông Trí	13,5	Ba	Đội tuyển
12	59	Nguyễn Trường Thành	16	12	2005	8A	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	13,5	Ba	Đội tuyển
13	2	Đặng Bảo An	15	12	2004	9H	Ngữ văn	THCS Sông Trí	13,25	Ba	Đội tuyển
14	18	Nguyễn Minh Dũng	23	02	2004	9E	Toán	THCS Sông Trí	13,25	Ba	Đội tuyển
15	19	Hồ Lê Dương	21	04	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	13,25	Ba	Đội tuyển
16	88	Trần Thị Hương Lan	6	10	2004	9C	Tiếng Anh	THCS Kỳ Long	13,25	Ba	Đội tuyển
17	29	Trần Công Hiếu	13	01	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	13	Ba	Đội tuyển
18	74	Nguyễn Thị Hồng Ánh	11	4	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Phương	13	Ba	Đội tuyển
19	98	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22	12	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Phương	12,75	Ba	
20	38	Phan Thị Ngọc Linh	03	02	2004	9E	Toán	THCS Sông Trí	12,5	Ba	
21	39	Chu Thị Loan	24	03	2004	9G	Ngữ văn	THCS Sông Trí	12,5	Ba	Đội tuyển
22	68	Nguyễn Khánh Uyên	11	11	2004	9E	Ngữ văn	THCS Sông Trí	12,5	Ba	Đội tuyển
23	92	Trần Thị Mận	10	8	2004	9C	Tiếng Anh	THCS Kỳ Long	12,25	Ba	Đội tuyển
24	97	Nguyễn Thị Hồng Nhung	8	4	2004	9C	Ngữ văn	THCS Kỳ Phương	12,25	Ba	Đội tuyển
25	11	Dương Nguyên Chương	11	11	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	12	Ba	
26	43	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12	12	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Ninh	12	Ba	

27	46	Nguyễn Ngọc Thảo My	17	10	2004	9G	Ngữ văn	THCS Sông Trí	12	Ba	
28	99	Đặng Nguyễn Tú Quỳnh	28	11	2005	8A	Ngữ văn	THCS Kỳ Nam	12	Ba	
29	51	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	20	5	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Ninh	11,5	KK	
30	54	Đoàn Hà Phương	07	11	2004	9G	Ngữ văn	THCS Sông Trí	11,5	KK	
31	79	Sử Thu Hà	3	2	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Long	11,5	KK	
32	4	Lê Thị Lộc Anh	18	08	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	11,25	KK	
33	10	Hoàng Thị Linh Chi	6	8	2004	9A	Ngữ văn	TH&THCS Kỳ Hoa	11,25	KK	
34	50	Lê Đỗ Hạnh Nguyên	09	10	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	11,25	KK	Đội tuyển
35	111	Trịnh Hoàng Khánh Vinh	24	10	2005	8E	Tiếng Anh	THCS Kỳ Thịnh	11,25	KK	Đội tuyển
36	8	Phan Nguyễn Ngọc Ánh	04	10	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	11	KK	
37	12	Nguyễn Thành Đạt	27	05	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	11	KK	
38	40	Nguyễn Phú Lộc	30	01	2004	9E	Toán	THCS Sông Trí	11	KK	
39	76	Trần Thị Uyên Chi	13	2	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Nam	11	KK	
40	101	Nguyễn Thị Cẩm Thạch	18	4	2004	9E	Ngữ văn	THCS Kỳ Thịnh	11	KK	
41	33	Đào Hoàng Lân	30	9	2004	9A	Toán	TH&THCS Kỳ Hoa	10,75	KK	
42	35	Hồ Thị Hoa Liên	06	10	2004	9H	Ngữ văn	THCS Sông Trí	10,75	KK	
43	30	Phạm Việt Hoàn	09	09	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	10,5	KK	
44	36	Nhự Thị Hồng Linh	19	12	2004	9B	Ngữ văn	TH&THCS Kỳ Hoa	10,5	KK	
45	49	Nguyễn Anh Ngọc	9	1	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Trinh	10,5	KK	
46	95	Nguyễn Thị Khánh Nga	6	2	2004	9E	Toán	THCS Kỳ Thịnh	10,5	KK	
47	104	Lê Thị Thanh Thảo	8	9	2004	9C	Ngữ văn	THCS Kỳ Long	10,5	KK	
48	109	Lê Anh Tuấn	23	9	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Phương	10,5	KK	
49	34	Nguyễn Anh Lê	15	02	2005	8A	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	10,25	KK	
50	25	Hoàng Tâm Hạnh	11	01	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	10	KK	
51	57	Nguyễn Ngọc Băng Tâm	26	1	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Ninh	10	KK	
52	67	Nguyễn Hoàng Thục Uyên	10	09	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	10	KK	
53	71	Nguyễn Bá Vượng	02	11	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	10	KK	
54	73	Đậu Thị Ngọc Ánh	8	9	2004	9C	Tiếng Anh	THCS Kỳ Long	10	KK	
55	77	Nguyễn Bá Độ	21	10	2004	9C	Tiếng Anh	THCS Kỳ Long	10	KK	
56	86	Lê Thị Huyền	19	9	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Lợi	10	KK	
57	89	Nguyễn Thị Bảo Linh	28	10	2004	9C	Ngữ văn	THCS Kỳ Long	10	KK	

58	102	Mai Xuân Thân	3	2	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Nam	10	KK	
59	108	Nguyễn Thị Huyền Trang	21	12	2005	8E	Tiếng Anh	THCS Kỳ Thịnh	10	KK	
60	22	Lê Vũ Hải	15	10	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	9,75	KK	
61	37	Nguyễn Thị Thùy Linh	8	12	2004	9A	Ngữ văn	TH&THCS Kỳ Hoa	9,75		
62	91	Đậu Thị Mai Linh	2	6	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Long	9,75	KK	
63	31	Nguyễn Huy Hoàng	18	4	2004	9A	Toán	TH&THCS Kỳ Hoa	9,5	KK	
64	52	Nguyễn Thị Hà Nhi	20	7	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Ninh	9,5	KK	
65	62	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	9	2	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Trinh	9,5	KK	
66	27	Tô Minh Hào	13	02	2004	9G	Toán	THCS Sông Trí	9,25		
67	3	Nguyễn Phạm Nguyệt Anh	10	11	2005	8A	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	9		
68	15	Phạm Thùy Dung	10	12	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Ninh	9		
69	23	Trần Thị Thu Hằng	22	11	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Ninh	9		
70	61	Nguyễn Thị Thom	2	4	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Trinh	9		
71	5	Phạm Tuấn Anh	12	07	2005	8A	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	8,5		
72	26	Trương Thị Hạnh	5	1	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Trinh	8,5		
73	58	Nguyễn Thị Thành	20	1	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Hà	8,5		
74	9	Đậu Ly Băng	15	12	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Hà	8		
75	32	Hoàng Thị Kim Khang	27	12	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Trinh	8		
76	45	Nguyễn Thị Huyền My	26	11	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Trinh	8		
77	94	Lê Nguyễn Ly Na	18	11	2004	9E	Toán	THCS Kỳ Thịnh	8		
78	105	Lê Thị Anh Thảo	9	4	2004	9E	Ngữ văn	THCS Kỳ Thịnh	8		
79	107	Lê Thị Thùy Trang	19	11	2004	9C	Tiếng Anh	THCS Kỳ Phương	8		
80	17	Nguyễn Thị Thùy Dung	02	09	2004	9E	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	7,5		
81	84	Nguyễn Văn Hiếu	29	4	2004	9E	Toán	THCS Kỳ Thịnh	7,5		
82	63	Đào Huyền Trang	11	03	2004	9E	Toán	THCS Sông Trí	7,25		
83	106	Nguyễn Văn Tiến	9	3	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Phương	7,25		
84	41	Phạm Thị Vân Ly	13	3	2004	9A	Tiếng Anh	TH&THCS Kỳ Hoa	7		
85	48	Nguyễn Thị Nga	28	2	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Ninh	7		
86	66	Trần Văn Tú	22	2	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Trinh	7		
87	69	Phan Lưu Vân	21	01	2004	9E	Toán	THCS Sông Trí	7		
88	72	Võ Tuấn Anh	22	3	2005	8E	Tiếng Anh	THCS Kỳ Thịnh	7		

89	78	Trịnh Thị Mỹ Dung	6	12	2004	9E	Ngữ văn	THCS Kỳ Thịnh	7		
90	82	Vương Thị Thảo Hiếu	11	3	2004	9E	Ngữ văn	THCS Kỳ Thịnh	7		
91	85	Lương Đình Hiếu	3	4	2004	9E	Toán	THCS Kỳ Thịnh	7		
92	110	Trần Đình Việt	1	3	2004	9C	Toán	THCS Kỳ Phương	7		
93	13	Trịnh Thị Kim Dục	23	7	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Ninh	6,5		
94	16	Dương Thuỳ Dung	06	02	2004	9G	Tiếng Anh	THCS Sông Trí	6,5		
95	60	Lê Đức Thịnh	7	5	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Hà	6,5		
96	75	Lưu Nguyễn Gia Bảo	5	10	2004	9C	Tiếng Anh	THCS Kỳ Phương	6,5		
97	56	Nguyễn Văn Tài	18	1	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Trinh	6,25		
98	28	Đặng Đình Hiếu	26	6	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Ninh	6		
99	65	Phạm Ngọc Tú	25	5	2004	9A	Tiếng Anh	THCS Kỳ Trinh	6		
100	80	Lê Thị Thuý Hằng	2	8	2004	9E	Ngữ văn	THCS Kỳ Thịnh	6		
101	90	Hoàng Thị Yến Linh	25	6	2004	9E	Ngữ văn	THCS Kỳ Thịnh	6		
102	1	Hoàng Thị Hoài An	20	10	2004	9A	Tiếng Anh	TH&THCS Kỳ Hoa	5,5		
103	14	Hà Nguyễn Thảo Dung	4	10	2004	9A	Ngữ văn	THCS Kỳ Hà	5,5		
104	64	Nguyễn Thị Huyền Trang	8	10	2004	9B	Toán	TH&THCS Kỳ Hoa	5,5		
105	96	Lê Tiến Ngọc	23	10	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Lợi	5,5		
106	20	Nguyễn Thị Thùy Dương	7	10	2004	9A	Toán	TH&THCS Kỳ Hoa	5		
107	103	Vương Đình Thắng	8	2	2005	8E	Tiếng Anh	THCS Kỳ Thịnh	4		
108	87	Lê Thị Huyền	18	4	2004	9E	Toán	THCS Kỳ Thịnh	3,5		
109	93	Trần Tấn Minh	16	12	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Lợi	2,25		
110	100	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	28	7	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Lợi	2		
111	81	Võ Thị Hiền	20	9	2004	9A	Toán	THCS Kỳ Lợi	0,75		

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM

(đã ký)

Nguyễn Viết Thư

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

(đã ký)

Võ Nguyên Hà

NGƯỜI GIÁM SÁT

(đã ký)

Thạch Trung Hương

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký)

Nguyễn Hữu Sum

Phòng

2
1
4
1
2
3
2
3
1
1
3
3
1
1
1
4
2
4
5
2
2
3
5
5
1
2

2
5
3
3
4
1
1
3
5
1
1
2
4
5
2
2
2
2
2
3
5
5
5
2
2
3
3
3
4
4
4
4

5
5
1
2
4
2
3
3
2
1
1
1
3
1
2
3
1
2
2
5
5
5
1
4
3
5
2
2
3
3
4

4
4
4
5
1
1
3
4
3
2
3
4
4
1
1
3
5
1
5
4
5
5
4